

SỰ NHẬN THỨC VỀ NGHỀ CỦA SINH VIÊN NGÀNH VĂN HOÁ THÔNG TIN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đỗ Ngọc Anh

Trường Đại học Văn hoá thành phố Hồ Chí Minh.

1. Đặt vấn đề

Nhóm ngành Văn hoá thông tin (VHTT) là loại ngành nghề đặc thù, với các chuyên ngành như: Thư viện thông tin, bảo tàng học, phát hành xuất bản phẩm, quản lý văn hoá, văn hoá du lịch... Đây là loại ngành nghề mới được thành niên, học sinh quan tâm nhiều trong những năm gần đây. Tuy nhiên, sự hiểu biết về nghề VHTT nói chung và của sinh viên (SV) đang học nghề VHTT nói riêng còn nhiều hạn chế. Điều này ảnh hưởng nhất định đến việc chọn nghề, đến xu hướng nghề nghiệp của họ. Vấn đề đặt ra là sự nhận thức về nghề của SV ngành VHTT ở Tp HCM hiện nay cụ thể đang ở mức độ nào?

Để tìm hiểu vấn đề này chúng tôi đã tiến hành khảo sát điều tra kết hợp phỏng vấn trò chuyện với 292 SV năm thứ nhất, năm thứ hai và năm thứ ba các Trường ĐH Văn hoá Tp. HCM, Trường CĐ Văn hoá nghệ thuật Tp. HCM, khoa Thư viện thông tin, Trường ĐH Khoa học XH và nhân văn Tp HCM.

2. Kết quả nghiên cứu

Trong số 292 SV được điều tra có 230 SV trả lời về nhận thức mục tiêu đào tạo, nhận thức về tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp qua các môn học, nhận thức về những đặc điểm tâm lý cá nhân của nghề. Chỉ riêng nhận thức về đặc trưng của nghề là có đủ 292 ý kiến trả lời. Kết quả cụ thể như sau:

- Nhận thức về mục tiêu đào tạo

Bảng 1: Sự nhận thức mục tiêu đào tạo của SV ngành VH TT

Mức độ hiểu mục tiêu đào tạo	Năm 1 (110 người)				Năm 3 (120 người)			
	Trước khi vào trường		Sau khi vào trường		Trước khi vào trường		Sau khi vào trường	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Cụ thể, rõ ràng (cao)	0	0	11	10	0	0	36	30
Mơ hồ, chung chung (TB)	60	54,55	72	65,45	66	55	72	60
Không hiểu gì (thấp)	50	45,45	27	24	54	45	12	10

Phân tích số liệu bảng 1 ta thấy số SV nhận thức rõ ràng về mục tiêu đào tạo của ngành VH TT ở SV năm thứ nhất là 0% và nhận thức về ngành một cách mơ hồ, chung chung chiếm 54,55%. Điều đó cho thấy trước khi vào học các trường CD-ĐH, nhìn chung SV chưa hiểu một cách cụ thể, rõ ràng về mục tiêu đào tạo của trường, của khoa mà các em đăng ký dự thi. Họ thường chỉ biết đến khoa, đến trường mình thi vào qua tên gọi. Đây là một thiếu sót lớn trong công tác tuyên truyền tuyển sinh cho các ngành nghề, trong đó có ngành VH TT.

Sau khi vào trường, qua một quá trình học tập và rèn luyện, sự nhận thức về mục tiêu đào tạo của SV cũng có những tiến bộ rõ rệt và mức độ nhận thức này tiếp tục được nâng cao trong suốt quá trình đào tạo. Tuy nhiên, theo chúng tôi đánh giá, sự hiểu biết này cũng vẫn chưa toàn diện, sâu sắc và chưa phải đã có ở đa số SV.

- Nhận thức của SV về tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp qua các môn học

Bảng 2: Sự nhận thức về tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp qua các môn học của SV

Mức độ nhận thức	Môn đại cương				Môn chuyên ngành			
	Năm thứ 1 (110 SV)		Năm thứ 3, 4 (120 SV)		Năm thứ 1 (110 SV)		Năm thứ 3, 4 (120 SV)	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Nhận thức được đặc điểm tri thức, kỹ năng, kỹ xảo môn học, từ đó hiểu rõ ràng cụ thể tác dụng của bộ môn với nghề nghiệp (cao)	0	0	12	10	0	0	66	55
Đánh giá chung chung các tri thức, không hiểu được cụ thể, chỉ tiết tác dụng của môn học (trung bình)	49	44,55	78	65	0	0	42	35
Không đánh giá được hoặc đánh giá quá sơ sài các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo được cung cấp, không hiểu được tác dụng của từng môn học (thấp)	60	54,55	30	25	0	0	15	18

Có ý kiến về những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo cần loại bỏ	0	0	102	85	0	0	18	15
Có ý kiến về những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo cần bổ sung	0	0	18	15	0	0	78	65
Có ý kiến về những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo cần củng cố	0	0	0	0	0	0	24	20

Từ kết quả ở bảng 2 cho phép chúng ta rút ra một số nhận xét sau:

- Về việc hiểu tác dụng của môn học với hình thành tay nghề: Với các môn phân đại cương SV mới chỉ hiểu rất khái quát, chung chung và chủ yếu là phản ánh được tác dụng có tính chất lý thuyết của từng bộ môn. Những môn học có tính chất thông dụng như tin học, ngoại ngữ SV đã nhận thức được tác dụng của nó đầy đủ hơn, chính xác hơn. Tuy nhiên, chất lượng học tập những môn này còn thấp, nhất là môn ngoại ngữ.

Với các môn chuyên ngành ở mỗi SV, trong mỗi khóa học, ngành học khác nhau đều có sự khác nhau và có mức độ tăng dần cùng với sự tăng dần về số lượng và chất lượng tri thức cung cấp trong quá trình đào tạo. Tuy nhiên, đa số SV cũng chỉ nhận thức được ở mức độ trung bình.

Thực trạng này đã làm cho SV ít tích cực, chủ động trong học tập. Họ cảm thấy sự gắn kết giữa việc học nghề và làm nghề là khá xa.

- Về những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp cần củng cố, bổ sung, loại bỏ trong quá trình đào tạo, đa số SV năm thứ 3 cho rằng về mặt lý thuyết là đầy đủ, tương đối hợp lý, cập nhật (nội dung, trình tự các môn học, các bài học...), nhưng cần tăng thời lượng thực hành ở tất cả các bộ môn nghiệp vụ và cho đi thực tế, thực tập nhiều hơn.

Việc bổ sung kiến thức về chuyên môn của SV chủ yếu là từ tự đọc sách báo, tạp chí có trong thư viện nhà trường. Tuy nhiên, số SV này chưa nhiều và phương pháp đọc sách còn nhiều hạn chế.

Sự nhận thức về tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp của SV như vậy là chỉ ở mức độ vừa phải, chưa đầy đủ và còn lệch lạc. Hậu quả là hứng thú học tập, rèn luyện tay nghề của SV không cao.

- Nhận thức của SV về đặc trưng nghề nghiệp VHIT

Với câu hỏi mở: “Bạn hiểu gì về nghề VHIT?” được đưa ra trao đổi, chúng tôi thấy tần số ý kiến của SV tập trung vào 4 nhóm nội dung sau:

Bảng 3: Tần số xuất hiện các nhóm ý kiến của SV về đặc trưng của nghề

Số TT	Nhóm ý kiến	Tần số xuất hiện ý kiến			
		Năm thứ 1 (145 SV)		Năm thứ 3, thứ 4 (147 SV)	
		SL	%	SL	%
1	Nghề văn hóa là nghề quản lý, giữ gìn và phát triển văn hóa dân tộc, hòa nhập văn hóa dân tộc với văn hóa thế giới	25	17,24	79	53,74
2	Nghề văn hóa là nghề góp phần làm cho đời sống văn hóa tinh thần của quần chúng nhân dân lao động phát triển phong phú lành mạnh, hướng tới cái đẹp, chống lại cái xấu	29	20,00	92	62,58
3	Nâng cao trình độ hiểu biết xã hội của quần chúng, đưa con người lên ngang tầm thời đại	12	8,27	56	38,09
4	Góp phần hình thành và phát triển nhân cách	0	0	22	14,96

Số liệu trên cho thấy tự bản thân SV chưa nhận thức đầy đủ và sâu sắc các đặc trưng của nghề VH TT. Với những đặc điểm nghề VH TT được đưa ra có tính chất định hướng trước, nhìn chung SV đã nhận thức được về nghề nghiệp tương lai của họ tương đối rõ ràng. SV năm thứ 3, thứ 4 do đã có sự tiếp cận và làm quen với các môn chuyên ngành trong quá trình đào tạo, đã đi thực tế, thực tập nên sự nhận thức về những đặc trưng nghề của họ cao hơn, cụ thể, rõ ràng và vững chắc hơn so với SV năm 1. Điều đó khẳng định nếu có sự định hướng, tuyên truyền giáo dục cho SV về những đặc trưng của nghề, sẽ giúp họ hiểu nghề, thấy được giá trị của nghề đầy đủ, rõ ràng hơn.

- Nhận thức về những khó khăn, thuận lợi trong hoạt động nghề

Những thuận lợi: Nghề được đào tạo chính quy, có việc làm ổn định (100% số SV khẳng định); xã hội bắt đầu quan tâm đến đời sống văn hoá, tinh thần (82%); là nghề giúp cho con người được tiếp xúc với nền văn hóa của nhân loại, của dân tộc sớm nhất và nhanh nhất (75%)...

Những khó khăn: Cơ sở vật chất cho hoạt động nghề còn nghèo nàn, chưa hiện đại (83%); Mức lương quá thấp không đảm bảo cuộc sống (100%)...

Kết quả này chứng tỏ SV đã có sự nhìn nhận khách quan đối với nghề nghiệp mình chọn.

- Sự nhận thức về những yêu cầu của xã hội đối với nghề VH TT

Nhìn chung SV đều cho rằng các ngành nghề thuộc lĩnh vực VH TT không phải là những nghề xã hội cần đến nhất, mà chỉ ở mức độ vừa phải. Trong 5 chuyên ngành chỉ có ngành Văn hoá du lịch được xếp ở hạng 10 (trên 22 nghề

được xếp hạng) về mức độ cần thiết. Các ngành còn lại chỉ được xếp ở những thứ hạng rất thấp. Cách đánh giá này cho thấy SV có cái nhìn rất bị quan về ngành nghề của mình, do đó họ ít tin tưởng và chưa phấn đấu hết sức cho việc học tập nghề nghiệp.

- Nhận thức của SV về những năng lực cần có của người làm nghề VHTT

Bảng 4: Sự nhận thức của SV về những năng lực của người làm nghề VHTT

Số TT	Các năng lực	Năm thứ nhất (110 người)				Năm thứ 3,4 (120 người)			
		Năng lực cần có		Năng lực thực có		Năng lực cần có		Năng lực thực có	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Năng lực trí tuệ cao	46	41.82	0	0	70	58,33	48	40
2	Sáng tạo trong công việc	50	45.45	11	10	84	70	58	48.33
3	Bao quát vấn đề	35	31.81	11	10	75	62,5	29	24.17
4	Thông thạo nghiệp vụ chuyên môn	90	81.82	13	11.82	108	90	54	45
5	Thông thạo ngoại ngữ	85	77.27	24	21.81	102	85	46	38.33
6	Biết ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc	83	75.45	40	36,36	100	83.33	67	55.83
7	Có khả năng tổ chức quản lý hoạt động	83	75.45	41	37.27	108	90	58	48.33
8	Dự kiến trước những biến đổi trong hành vi và sự phát triển nhân cách của người khác	17	15.45	26	23.64	36	30	29	24.17
9	Làm chủ được bản thân, điều khiển được tình cảm của người khác	26	23.63	57	51.81	50	41,67	72	60
10	Phản ứng linh hoạt trước những tình huống cụ thể của hoàn cảnh	61	55.45	35	31.82	89	74.17	58	48.33
11	Có khả năng chuyên sang người khác thái độ của mình đối với công việc	51	46.36	35	31.82	65	54.17	38	31.67
12	Có năng khiếu văn hóa văn nghệ nhất định	46	41.81	33	30	65	54.17	38	31.67

Theo SV, những tính cách mà người làm công tác VHTT cần phải có là: Sự linh hoạt (82,5% số SV khẳng định); Sự nhiệt tình (72,5%); Sự say mê (59,5%); Siêng năng (56%); Thích tìm tòi (47 %)... Trong những phẩm chất trên có phẩm chất linh hoạt và nhiệt tình được nhiều SV cho là cần thiết nhất. Điều này hoàn toàn phù hợp với đặc thù hoạt động VHTT. Tuy nhiên, trong thực tế hoạt động và sinh hoạt tại các trường, những phẩm chất này của SV chưa được bộc lộ nhiều.

Như vậy, về cơ bản SV đã nhận thức được những phẩm chất tính cách cần thiết của người làm nghề VH TT, nhưng ý kiến còn rai rác, chưa tập trung. Ngay cả các phẩm chất mà các em cho là cần thiết nhất cũng có số phiếu không cao.

Nhận thức về những tính cách SV thực có qua kết quả điều tra cho thấy đánh giá của SV chưa tập trung, chưa nổi bật và chưa có sự phù hợp với nghề cao. Ví dụ như: Phẩm chất linh hoạt chỉ có 24,09% SV cho mình có phẩm chất này; Sự nhiệt tình cũng chỉ có ở 43,39%. Sự say mê chỉ có ở 29,93%... Hơn nữa sự phù hợp ít ỏi này cũng chỉ mang tính ngẫu nhiên.

3. Kết luận

Sự nhận thức nghề của SV VH TT nói chung cũng được tăng dần cùng với sự tăng dần của thời gian và lượng tri thức được đào tạo. Nhưng nhìn chung còn mơ hồ, chung chung. Tỷ lệ SV nhận thức nghề nghiệp đầy đủ, trọn vẹn, sâu sắc ở tất cả các mặt còn rất ít, chủ yếu mới đạt được ở mức độ vừa phải, nhiều mặt còn lệch lạc, khiếm khuyết. Vấn đề đặt ra là cần phải nâng cao trình độ nhận thức nghề của họ, từ đó sớm có sự định hướng nghề nghiệp đúng đắn, nâng cao lòng yêu mến nghề nghiệp, xây dựng xu hướng nghề nghiệp rõ ràng, lâu dài và bền vững.